

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 81/2024/DS-ST

Ngày 30/9/2024

V/v tranh chấp hợp đồng

vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngừ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh

Ông Chu Quốc Đạt

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Cường - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:
Ông Vi Đức Thứ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 128/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2024/QĐXXST-DS ngày 29/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2024/QĐST-DS ngày 14/9/2024, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn 4, xã NH, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

+ **Bị đơn:** Bà Trần Thị Kh (tên gọi khác: Thanh), sinh năm 1967. Địa chỉ: Tổ dân phố PM, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

+ **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Hoàng Quốc B, sinh năm 1966. Địa chỉ: Tổ dân phố Phi Mô, thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Do quen biết nên bà Trần Thị Kh đặt vấn đề với bà vay tiền để chăn nuôi gia súc, gia cầm, bà nhất trí và đã Kh vay tiền 2 lần, cụ thể:

Ngày 30/10/2018, vay 80.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng vay tiền, thời hạn vay 03 tháng tính từ ngày 30/10/2018 đến ngày 30/01/2019, lãi suất 1,7%/tháng.

Ngày 30/11/2018, vay 100.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng vay tiền, thời hạn vay 01 tháng tính từ ngày 30/11/2018 đến ngày 30/12/2018, lãi suất 1,7%/tháng.

Tổng số tiền gốc bà Kh vay là 180.000.000 đồng. Sau khi vay thì bà Kh đã trả là được 16.200.000 đồng tiền lãi.

Nay bà yêu cầu vợ chồng bà Trần Thị Kh, ông Hoàng Quốc Bình phải trả cho bà số tiền gốc là 180.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật với mức lãi suất 0,75%/tháng.

Tại phiên tòa, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu trên

Bị đơn bà Trần Thị Kh trình bày:

Bà xác nhận có vay tiền của bà H 2 lần, số tiền vay, thời gian vay, thời gian trả như bà H khai là đúng. Các lần vay hai bên có lập hợp đồng cho vay, bà có ký vào mục “người vay tiền”. Theo hợp đồng hai bên không thỏa thuận về lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận miệng lãi là 3.000đồng/01 triệu/01 ngày. Số tiền vay của bà H bà đã sử dụng vào mục đích chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên, do dịch bệnh nên gia súc, gia cầm bị chết nên gia đình gặp khó khăn về kinh tế. Nay bà H yêu cầu trả tiền nợ gốc 180.000.000đồng và lãi suất 0,75%/tháng, bà đồng ý nhưng xin được trả dần.

Tại phiên tòa, bà giữ nguyên quan điểm trên

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Quốc B trình bày:

Về việc vay nợ giữa vợ ông bà Trần Thị Kh với bà Nguyễn Thị H, ông có thấy bà Kh nói chuyện còn nội dung cụ thể ông không nắm được. Nay bà H khởi kiện vợ chồng ông đồng ý trả số tiền nợ gốc 180.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Ông xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật:

+ Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 26, 35, 147, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc vợ chồng bà Trần Thị Kh (tên gọi khác: Thanh), ông Hoàng Quốc B phải thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 180.000.000đ đồng tiền gốc, tiền lãi theo mức lãi suất 9%/năm.

Ngoài ra, đại diện VKS còn đề nghị giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, nơi bị đơn đều cư trú tại huyện Lạng Giang nên Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà H khởi kiện đòi tiền cho vay theo hợp đồng vay tiền. Đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Ông Hoàng Quốc B là người có nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt ông Bình.

[4]. Về thời hiệu khởi kiện: Bà Kh vay tiền của bà H 2 lần, hạn trả nợ lần lượt vào các ngày 30/12/2018 và 30/01/2019 nhưng không trả được, các bên không có thỏa thuận gì về việc gia hạn trả nợ. Do đó, đến hết ngày 30/12/2021 và 30/01/2022 là hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự 2015. Tuy nhiên, cho đến thời điểm trước HĐXX sơ thẩm ra bản án, không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Tòa án không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[5]. Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn thì thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất xác định bà Kh có vay tiền của bà H 02 lần với tổng số tiền 180.000.000 đồng, cụ thể: Lần 1 vay số tiền 80.000.000 đồng vào ngày 30/10/2018, thời hạn vay 01 tháng; lần 2 vay số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 30/11/2018, thời hạn vay 03 tháng. Khi vay các bên có lập hợp đồng cho vay tiền, mục đích vay là để phát triển kinh tế gia đình, đến nay bà Kh vẫn chưa thanh toán trả cho bà H số tiền 180.000.000 đồng đã vay.

Do đó, nay bà H đề nghị Tòa án buộc vợ chồng bà Kh, ông Bình cùng có trách nhiệm trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6]. Về yêu cầu tính tiền lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thống nhất về việc bà Kh đã trả được 16.200.000đ tiền lãi sau khi vay. Bà H yêu cầu bà Kh phải trả lãi từ khi vay đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 9%/năm, HĐXX thấy rằng: Căn cứ vào lời khai của các đương sự tại phiên tòa thì đây là hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, các đương sự khai về mức lãi suất không thống nhất và có tranh chấp về lãi suất nên HĐXX buộc bị đơn phải trả lãi của số tiền đã vay theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ

luật dân sự năm 2015. Bà H chỉ yêu cầu mức lãi suất 9%/năm, không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên HĐXX chấp nhận. Số tiền 16.200.000đồng bị đơn đã thanh toán được trừ vào tổng số tiền lãi.

Số tiền lãi được tính như sau:

+ Đối với khoản vay 80.000.000đ vay ngày 30/10/2018 tính đến ngày xét xử 30/9/2024: $80.000.000đ \times 0,75\%/tháng \times 71 tháng = 42.600.000đ$.

+ Đối với khoản vay 100.000.000đ ngày 30/11/2018 tính đến ngày xét xử 30/9/2024: $100.000.000 đồng \times 70 tháng = 52.500.000đ$ ồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi vợ chồng bà Kh, ông Bình phải trả cho bà H là: 95.100.000đồng, trừ đi số tiền 16.200.000đ đã trả, còn lại 78.900.000đ

Ngoài ra, vợ chồng bà Kh, ông Bình phải chịu lãi chậm thi hành án cho đến khi thanh toán xong cho bà H là phù hợp với hướng dẫn về xác định lãi suất theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên vợ chồng bà Kh, ông Bình phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. Buộc vợ chồng bà Trần Thị Kh (tên gọi khác: Thanh), ông Hoàng Quốc B phải thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 258.900.000đ (Hai trăm năm mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 180.000.000 đồng, tiền lãi tính đến hết ngày 30/9/2024 là 78.900.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thanh toán.

2. Về án phí:

- Vợ chồng bà Trần Thị Kh (tên gọi khác: Thanh), ông Hoàng Quốc B phải chịu số tiền 12.945.000đ (mười hai triệu chín trăm bốn mươi năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả bà Nguyễn Thị H số tiền 9.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007671 ngày 01 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- Các đương sự
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Ngữ

